| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 7 – NINH BÌNH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 369/2026/QĐST-HNGĐ | *Ninh Bình, ngày 16 tháng 7 năm 2026* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 323/2026/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2026 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị D, sinh ngày 20/12/1993; số căn cước công dân: 036193016228; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Số D V, phường N, tỉnh Ninh Bình.

- Bị đơn: Anh Trần Thanh T, sinh ngày 18/8/1995; số căn cước công dân: 036095006947; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Số D V, phường N, tỉnh Ninh Bình.

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212, Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 7 năm 2026.

## XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 7 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đỗ Thị D và anh Trần Thanh T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là: Trần Mạnh H, giới tính: Nam; sinh ngày 13/9/2019, số định danh cá nhân: 036219012359.

Chị Đỗ Thị D là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là: Trần Mạnh H, giới tính: Nam; sinh ngày 13/9/2019, số định danh cá nhân: 036219012359.

Bên không trực tiếp nuôi con chung có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Không ai được hạn chế, cản trở các quyền này. Bên không trực tiếp nuôi con chung có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con, không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng con của người trực tiếp nuôi con chung.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Trần Thanh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 2.000.000 đồng/tháng (hai triệu đồng một tháng) kể từ tháng 7 năm 2026 đến khi con chung đủ 18 tuổi, có khả năng lao động tự lập được.

Sau khi quyết định có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Chị Đỗ Thị D và anh Trần Thanh T không đề nghị Toà án giải quyết.

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Đỗ Thị D tự nguyện nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng). Anh Trần Thanh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nên phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng). Chị Đỗ Thị D tự nguyện nộp thay cho anh Trần Thanh T án phí cấp dưỡng nuôi con chung số tiền là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) nên sẽ được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị Đỗ Thị D đã nộp tại biên lai số 0002161 ngày 22 tháng 6 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình. Chị Đỗ Thị D đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì chị Đỗ Thị D và anh Trần Thanh T có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 36 và Điều 72 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự năm 2025.

***Nơi nhận***:
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 7 – Ninh Bình;
- THADS tỉnh Ninh Bình;
- UBND P. Nam Định, tỉnh Ninh Bình;
(ĐKKH số 28 ngày 26-7-2017 P. Vị Hoàng)
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**Tống Thị Kim Phượng**